

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 07 - 3 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Thạch Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Kim Thị Cẩm Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 04/5/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1959 (có mặt). Địa chỉ: Số 08, đường Nguyễn Văn T, khóm 6, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Phạm C**, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022 của nguyên đơn bà Trần Thị S và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà Trần Thị S trình bày:

Vào ngày 01/6/2020, bà Trần Thị Kim N có vay của bà số tiền 500.000.000 đồng, bà N có đưa cho ông Trần Phạm C 500.000.000 đồng, nhiều tháng ông C hèn trả lại số tiền trên cho bà N, nhưng ông C vẫn không trả cho bà N như lời hứa.

Đến ngày 26/9/2020, bà Trần Thị Kim N có mời ông C đến để thỏa thuận, lúc đó ông C yêu cầu bà N chuyển số tiền mà ông C nợ bà N để ông C trực tiếp trả nợ cho bà S, ông C lấy lại biên nhận ông nợ bà N. Như vậy, ông C không còn nợ bà N và bà N không còn nợ tiền của bà S.

Vào ngày 26/9/2020, có viết biên nhận thiếu bà số tiền 500.000.000 đồng và ông C hẹn đến ngày 10/10/2020 sẽ trả tiền cho bà. Sau đó, đến ngày 25/10/2020 sẽ trả cho bà có thỏa thuận bằng miệng trả lãi suất 5%/tháng và ông trả lãi cho bà mỗi tháng đến khi nào trả đủ tiền gốc và lãi. Nhưng ông C chỉ hứa hẹn nhiều lần không trả vốn lãi cho bà.

Đến ngày 14/12/2020, bà S làm đơn gửi đến Tổ hòa giải ấp X, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, thống nhất ngày 25/12/2020 trả trước cho bà 15.000.000 đồng và tiền lãi và một tháng sau ông C lấy tiền bán đất trả lãi tiếp cho đủ và tiếp tục đóng lãi đến khi nào trả đủ số tiền trên.

Ngày 19/02/2022, ông C đã trả tiền gốc cho bà S số tiền 500.000.000 đồng, nhưng chưa trả tiền lãi cho bà. Mặc dù ông C đã thỏa thuận miệng với bà trả lãi suất là 5%, nhưng bà yêu cầu ông C trả lãi suất chậm trả 20%/năm, tính từ ngày 10/10/2020 đến ngày 19/02/2022 với lãi suất là 1,66% /tháng là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 16 \text{ tháng} \times 9 \text{ ngày} = 95.029.000 \text{ đồng}$.

Nay bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Phạm C trả số tiền lãi là 95.029.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022 bị đơn ông Trần Phạm C trình bày:

Ngày 01/6/2020, bà N đưa tiền cọc đất của ông và có đưa ông số tiền 500.000.000 đồng không có thỏa thuận lãi suất gì, bà N trả tiền cọc cho ông, bà N hẹn 10 ngày sau trả tiếp cho ông 10 tỷ đồng để làm thủ tục giấy tờ ra C chứng. Khi C chứng xong, bà N thanh toán cho ông 30 tỷ, sau đó, bà N không đưa cho ông 10 tỷ, bà N dẫn bà S lại gặp ông, bà S nói số tiền 500.000.000 đồng là bà N mượn của bà S, bà S năm nỉ trả tiền cọc 500.000.000 đồng cho bà N để bà N trả cho bà S, lúc đó ông đồng ý làm biên nhận số tiền trên cho bà S và khi nào bán đất được, thì trả cho bà S. Khi làm biên nhận không có tính lãi suất, vì tiền cọc, hiện nay ông đã trả cho bà S số tiền 500.000.000 đồng cho bà S rồi, nên không đồng ý trả nữa.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như có mặt đúng thời gian theo giấy triệu tập của Tòa án, cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị S. Buộc bị đơn ông Trần Phạm C phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị S số tiền lãi tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày 19/02/2022 là 01 năm 01 tháng 25 ngày số tiền 57.638.866 đồng. Cụ thể: $500.000.000 \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 57.638.866 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Phạm C trả lại số tiền lãi còn nợ là 95.029.000 đồng cho nguyên đơn. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Trần Phạm C cư trú tại ấp X, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Đối với bị đơn ông Trần Phạm C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu tính lãi từ ngày 25/12/2020 đến ngày 19/02/2022. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S: Vào ngày 26/9/2020, ông Trần Phạm C có thiếu tiền bà Trần Thị S số tiền 500.000.000 đồng, giữa nguyên đơn bà S và bị đơn ông C đều thừa nhận hiện nay ông C đã trả cho bà S số tiền

500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là những tình tiết sự kiện rõ ràng không cần phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị S yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Phạm C trả số tiền lãi 95.029.000 đồng (trên số tiền gốc là 500.000.000 đồng), lãi suất chậm trả 20%/năm, tính từ ngày 10/10/2020 đến ngày 19/02/2022, với tiền lãi suất 1,66%/tháng, cụ thể: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} = 95.029.000 \text{ đồng}$.

[3] Xét thấy, theo biên bản hòa giải cơ sở ngày 18/12/2020, ông C có ý kiến hẹn đúng ngày 25/12/2020 giao trả số tiền 15.000.000 đồng, số tiền gốc 500.000.000 đồng hẹn một tháng sau kể từ ngày hòa giải sẽ trả dứt, số lãi phát sinh tới ngày trả gốc ông C sẽ trả lãi phát sinh. Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/11/2022, ông C không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của bà Trần Thị S.

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2016 quy định “4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

[4] Từ những tình tiết và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S, buộc ông Trần Phạm C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị S số tiền lãi tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày 19/02/2022 là 01 năm 01 tháng 25 ngày. Cụ thể: $500.000.000 \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 57.638.866 \text{ đồng}$.

[5] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông Trần Phạm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn ông Trần Phạm C sinh năm 1951 (trên 60 tuổi), nên bị đơn được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị S.

Buộc bị đơn ông Trần Phạm C phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị S số tiền lãi tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày 19/02/2022 là 01 năm 01 tháng 25 ngày. Cụ thể: $500.000.000 \times 10\% / \text{năm} \times 01 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 57.638.866$ đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn ông Trần Phạm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn ông Trần Phạm C sinh năm 1951 (trên 60 tuổi), nên bị đơn được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm C khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhân